

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **179/2022/DS-PT**

Ngày: 24-8-2022

“V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Ông Hồ Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLPT-DS về tranh chấp: “Tranh chấp về Bồi thường thiệt hại”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty G (Việt Nam).

Địa chỉ: Tòa nhà S, số A đường C, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Y – chức vụ: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. (vắng mặt)

+ Ông Phan H – chức vụ: Phó Tổng giám đốc, là người đại diện theo ủy quyền của ông Y (Văn bản ủy quyền ngày 22-6-2021) (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1989 - chức vụ: Nhân viên pháp chế, là người đại diện theo ủy quyền của ông Phan H (Văn bản ủy quyền ngày 01-7-2021). (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp Ninh An, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Công ty G (Việt Nam).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Công ty G (Việt Nam), đại diện theo ủy quyền - Ông Nguyễn Đ trình bày:

Ông Nguyễn T bắt đầu làm việc cho Công ty G (Việt Nam), sau đây viết tắt là “Công ty” từ ngày 01-4-2017, đến ngày 01-6-2017 thì ông T và Công ty ký hợp đồng lao động chính thức với chức danh chuyên môn là nhân viên quảng bá, thời hạn của hợp đồng lao động là 01 năm. Đến ngày 01-6-2018 Công ty và ông T tiếp tục ký hợp đồng lao động số 98/HĐLĐ-2-GARSONI với chức danh chuyên môn là đại diện thương mại và có ký thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại theo Thông báo số 02/2018 ngày 30-6-2018. Thông báo này Công ty thông báo cho tất cả các nhân viên đều nhận được qua email, và trong các cuộc họp đều được Thông báo về việc phải bồi thường 30%/số công nợ quá hạn, tất cả các nhân viên trong đó có ông T đều không có ý kiến gì.

Trong thời gian làm việc cho Công ty, ông T đã giới thiệu khách hàng là hộ kinh doanh L-T– do ông Nguyễn Văn Th làm chủ (viết tắt là cửa hàng L-T), ký hợp đồng mua hàng là phân bón của Công ty từ ngày 01-01-2017 cho đến 14-5-2018, đối chiếu công nợ là 327.300.000 đồng, do đại lý L-T chưa thanh toán cho Công ty nên đến ngày 14-5-2018 Công ty không bán hàng cho cửa hàng L-T nữa. Đến tháng 12-2019 cửa hàng L-T có trả cho Công ty được số tiền 40.000.000 đồng. Công ty đã khởi kiện cửa hàng L-T và được Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh giải quyết bằng Bản án số 01/2022/KDTM-ST ngày 14-02-2022 (bản án đã có hiệu lực pháp luật)

Như vậy, ông T đã thiếu trách nhiệm trong thu hồi công nợ cho Công ty dẫn đến cửa hàng L-T nợ Công ty tổng số tiền 327.300.000 đồng. Việc L-T không thanh toán tiền cho Công ty là lỗi của ông T, là vi phạm khoản 3.2 điều 3 và điều 9 của hợp đồng lao động số 98/HĐLĐ-1-GARSONI ngày 01-6-2017 và vi phạm khoản 5 mục III của Thông báo số 02/2018/TB ngày 30-6-2018. Nay Công ty yêu cầu ông T có trách nhiệm bồi thường cho Công ty số tiền 30%/trên số nợ quá hạn tương đương số tiền 98.190.000 đồng.

Bị đơn, ông Nguyễn T trình bày:

Từ tháng 4-2017 ông bắt đầu làm cho Công ty, sau 02 tháng thử việc, ông chính thức ký hợp đồng với công ty vào ngày 01-6-2017, ông làm nhân viên quảng bá, ông chỉ tiếp thị để tìm đơn hàng cho công ty, tổng thu nhập hàng tháng của ông khoảng 12.000.000 đồng, trong đó tiền lương cơ bản 4.030.000 đồng, còn lại là tiền hỗ trợ tiền ăn, tiền điện thoại, tiền phòng trọ để ở, tiền quan hệ khách hàng, tiền thưởng trên doanh số bắt buộc, nếu đạt chỉ tiêu hàng tháng do công ty quy định thì ông được khoản tiền này, nếu không sẽ bị trừ. Đến ngày 01-6-2018 ông tiếp tục ký hợp đồng với Công ty, chức danh chuyên môn là đại diện thương mại. Anh xác nhận có tham gia cuộc họp ngày 06-7-2018, Công ty có thông báo về việc thưởng trên doanh thu và phạt trên số tiền nợ xấu của khách hàng, sau đó ban hành phạt trên số nợ xấu của khách hàng, ông không đồng ý nên xin nghỉ. Đến ngày 01-11-2018 anh không làm cho công ty nữa. Khi chấm dứt hợp đồng, ông có bàn giao lại công nợ cho Công ty, chỉ có cửa hàng L-T nợ xấu. Anh hoàn toàn không thỏa thuận về việc bồi thường thiệt

hại cho Công ty do không thu hồi được công nợ. Ngày 08-12-2020 ông Tân – Phó tổng giám đốc công ty có gửi tin nhắn qua zalo cho ông nội dung yêu cầu anh bồi thường thiệt hại số tiền 26.656.425 đồng đối với công nợ của cửa hàng L-T. Đến ngày 11/12/2020 ông Tân có gặp trực tiếp ông đòi tiền bồi thường, ông không đồng ý. Đến khoảng tháng 06, 07-2021 ông nhận được Thông báo yêu cầu nộp phạt đối với khách hàng có nợ xấu để ngày 07-12-2020 do Công ty gửi qua bưu điện.

Nay ông xác nhận anh không nhận được Thông báo 02/2018 của Công ty qua email, anh cũng không đồng ý với quy định này nên ông đã xin nghỉ, đến ngày 01-11-2018 ông đã nghỉ việc; đối với công nợ của cửa hàng L-T phát sinh từ năm 2017 đến tháng 5-2018 là trước thời điểm Công ty ban hành quy định phạt trên nợ xấu của khách hàng do đó ông không phải chịu phạt theo quy định này của Công ty. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Căn cứ vào các Điều 360, 385, 419 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty G (Việt Nam) đối với anh Nguyễn T về ”Tranh chấp bồi thường thiệt hại”.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty G(Việt Nam) phải chịu 4.909.500 đồng (*bốn triệu chín trăm linh chín nghìn năm trăm*) đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.454.750 đồng theo biên lai thu số 0011987 ngày 28-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, Công ty G còn phải nộp số tiền 2.454.750 đồng (*hai triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

Ông T không phải chịu án phí.

Ngày 31-5-2022, Đại diện Công ty G (Việt Nam) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do: phần nợ quá hạn của cửa hàng L-T là trách nhiệm của ông T , vì vậy yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn Công ty G giữ nguyên kháng cáo yêu cầu ông T bồi thường số tiền 98.190.000 đồng trên cơ sở, trước khi ông T vào Công ty làm việc thì công ty đã phổ biến rõ về chính sách thưởng và phạt, sau đó ông T đồng ý và viết cam kết xin nhận việc vào ngày 01-6-2017 và ngày 15-7-2017 Công ty có họp toàn thể nhân viên lấy ý kiến đóng góp và ban hành Thông báo số 10 ngày 15-7-2017 có hiệu lực áp dụng từ ngày 01-9-2017 tương tự như Thông báo số 02 năm 2018.

Do đó, ông T là nhân viên bán hàng của công ty đã thiếu trách nhiệm trong thu hồi công nợ cho công ty dẫn đến nợ xấu, cụ thể là cửa hàng Liên Thành, nợ công ty 327.300.000 đồng không trả. Ông T vi phạm khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng lao động số 98 ngày 01-6-2017 và vi phạm khoản 5 mục III của Thông báo số 02 ngày 30-6-2018 của Công ty nên phải bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi xét xử vụ án.

+ Về nội dung: Công ty G kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ ý kiến của nguyên đơn, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31-5-2022 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan H– Phó tổng giám đốc công ty G kháng cáo, qua xem xét trình tự thủ tục kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Bị đơn ông Nguyễn T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24-8-2022, xét thấy bị đơn đã triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xem xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ông Nguyễn T là nhân viên của Công ty G từ 01-6-2017 làm nhân viên quảng bá, tiếp thị, đến ngày 01-6-2018 tiếp tục ký hợp đồng với chức danh là Đại diện thương mại, có tham gia cuộc họp ngày 06-7-2018 nghe công ty phổ biến về tiền thưởng trên doanh thu và tiền phạt trên số tiền nợ xấu của khách hàng, ông T không đồng ý nên đã xin nghỉ làm việc tại công ty, đến ngày 01-11-2018 chấm dứt hợp đồng lao động, bàn giao lại công nợ, thì giữa công ty và ông T không có thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại cho công ty.

[2.2] Theo Thông báo số 02 năm 2018 của Công ty ban hành vào ngày 30-6-2018 có hiệu lực thi hành từ 01-7-2018 đến hết ngày 31-12-2018 không thể hiện được Công ty căn cứ vào văn bản, quy phạm pháp luật nào để thực hiện.

[2.3] Xét về số tiền nợ của khách hàng Nguyễn Văn Th (Hộ kinh doanh đại lý L-T) :

Cửa hàng L-T có mua hàng của Công ty từ 01-01-2017 đến 14-5-2018 chót nợ, và công ty ngừng giao hàng, cửa hàng này nợ từ 14-5-2018 cho đến hôm nay. Phía công ty đã khởi kiện và tại Bản án số 01/2022/KDTM-ST ngày 14-02-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng đã xử chấp nhận khởi kiện, buộc cửa hàng L-T phải trả 287.300.000 đồng cho công ty. Như vậy, về công nợ là có thật.

[2.4] Đối chiếu Hợp đồng lao động số 98 ngày 01-6-2017 thì ông T không có vi phạm các nội dung tại mục 3.2 Điều 3 của Hợp đồng như đại diện của nguyên đơn trình bày.

[2.5] Đối chiếu Thông báo số 02 ngày 30-6-2018 có hiệu lực ngày 01-7-2018 đến 31-12-2018 của Công ty thể hiện về tiền thưởng trên số tiền thu được và tiền phạt trên số tiền nợ xấu, thì ông T không có vi phạm mà đây là văn bản của công ty ban hành một chiều chưa có phản hồi hay đồng thuận của các nhân viên và đến ngày 06-7-2018 Công ty có mở cuộc họp để thực hiện công văn trên thì ông T phản đối và đã làm đơn xin nghỉ việc đến tháng 11-2018 chính thức bàn giao công việc và công nợ cho công ty, tại thời điểm này công ty không có đề cập gì đến việc nợ xấu và tại thời điểm này số tiền nợ xấu của cửa hàng L-T (cho rằng trách nhiệm phải thu của ông T) chưa đến thời điểm xác định là nợ xấu theo Thông báo số 02.

Mặt khác, theo Thông báo số 02/2018 ngoài ông T ra còn các đối tượng khác phải bồi thường: Tổng giám đốc 20%, Phó Tổng giám đốc 25%, Giám đốc khu vực 25% và Nhân viên kinh doanh 30% thì công ty chỉ kiện ông T. Tại cấp phúc thẩm không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn.

Từ nhận định trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty G (Việt Nam) phải chịu 4.909.500 đồng (*bốn triệu chín trăm linh chín nghìn năm trăm*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí Công ty G đã nộp 2.454.750 đồng theo biên lai thu số 0011987 ngày 28-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, còn phải nộp số tiền 2.454.750 đồng (*hai triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty G (Việt Nam) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ghi nhận đã nộp xong theo biên lai thu số 0012373 ngày 01-6-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty G (Việt Nam)

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

2. Căn cứ vào các Điều 360; Điều 385; Điều 419 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty G (Việt Nam) đối với ông Nguyễn T về “Tranh chấp về Bồi thường thiệt hại”.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty G(Việt Nam) phải chịu 4.909.500 đồng (*bốn triệu chín trăm linh chín nghìn năm trăm*) đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí Công ty G đã nộp 2.454.750 đồng theo biên lai thu số 0011987 ngày 28-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, còn phải nộp số tiền 2.454.750 đồng (*hai triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi* đồng).

Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty G(Việt Nam) phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ghi nhận đã nộp xong theo biên lai thu số 0012373 ngày 01-6-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao Hà Nội (Vụ 2);
- TAND Cấp cao TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Dương Minh Châu;
- VKSND huyện Dương Minh Châu;
- CCTHADS huyện Dương Minh Châu;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Giang